

HT. Thích Trí Tịnh

Người ở trong đời ác

Có thể nói kinh này

Đây thời là rất khó.

Đoạn này nói việc thuyết kinh là khó. Hoặc lấy tay cầm núi Diệu Cao, lấy ngón chân động cả Đại thiên vốn là việc khó làm, mà người có thần thông có thể làm được. Hàng chư Thiên ở cõi trời Hữu đảnh có trí huệ siêu việt, nhưng người có huệ biện tài có thể vượt hơn họ. Chỉ có kinh này ở trong đời ác rất là khó nói. Do vì nhiều người tệ ác, nhiều oán, khó tin được.

Giả sử lại có người

Dùng tay nắm hư không

Để mà khắp dạo đi

Cũng chưa lấy làm khó,

Sau khi Ta diệt độ

Nếu người tự thọ trì

Hoặc bảo người thọ trì

Đây thời là rất khó.

Đoạn này nói sự biên chép là khó, như hư không khó nắm bắt. Trong kinh Lăng-nghiêm nói: “Khi ngài A-nan đã giác ngộ, xem hư không trong

mười phương như tay của mình nắm chiếc lá hay đồ vật”. Đây là hư không có thể nắm bắt được. Còn như kinh này là đạo tịch diệt ly ngôn há được để biên chép? Do đó mà biên chép là khó.

*Hoặc đem cả cõi đất
Đặt trên móng ngón chân
Bay lên đến Phạm Thiên
Cũng chưa lấy làm khó,
Sau khi Phật diệt độ
Người ở trong đời ác
Tạm đọc kinh pháp này
Đây thời mới là khó.*

Đoạn này nói đọc tụng kinh này khó. Đại địa rất nặng, Phạm Thiên rất cao, móng chân rất nhỏ, đặt cả đại địa trên móng chân mà bay lên đến cõi trời Phạm Thiên, đối với người có thần thông quảng đại thì không khó. Nhưng ở trong đời ác mà đọc tụng kinh Pháp Hoa này mới thật là khó.

*Giả sử gặp kiếp thiêu
Gánh mang những cỏ khô
Vào lửa không bị cháy
Cũng chưa lấy làm khó,*

**Sau khi Ta diệt độ
Nếu người trì kinh này
Vì một người mà nói
Đây thời mới là khó.**

Đoạn này nói trì kinh là khó, người gánh củ khô đi vào kiếp lửa mà không bị cháy cũng chưa lấy làm khó. Đời ác chúng sinh bạo ngược, trong lửa phiền não mà có thể trì kinh này đây thời rất là khó vậy.

**Hoặc người trì tám muôn
Bốn nghìn các tạng pháp
Đủ mười hai bộ kinh
Vì người mà diễn nói
Khiến các người nghe pháp
Đều đặng sáu thân thông
Dù được như thế đó
Cũng chưa lấy làm khó.
Sau khi Ta diệt độ
Nghe lãnh kinh điển này
Hỏi nghĩa thú trong kinh
Đây thời mới là khó.**

Đoạn này nói nghe kinh này là khó. Tám vạn

bốn ngàn pháp tạng đều dùng văn ngôn phu diển
đâu có gì là khó? Riêng về Thật tướng của kinh, ý
nghĩa vô lượng mà nghe được là điều khó vậy.

*Hoặc có người nói pháp
Làm cho nghìn muôn ức
Đến vô lượng vô số
Hằng hà sa chúng sinh
Chứng đặng quả La-hán
Đủ sáu phép thần thông
Dù có lợi ích đó
Cũng chưa phải là khó,
Sau khi Ta diệt độ
Nếu người hay phụng trì
Những kinh điển như đây
Đây thời là rất khó.*

Đoạn này nói về phụng trì (thực hành) kinh này là khó. Như có người khéo thuyết pháp, làm cho người nghe đều được Lục thông, A-la-hán, đây cũng chưa phải là khó. Vì người có thể thọ trì kinh này tức là được Bồ-đề thế nên mới là khó.

*Ta vì hộ Phật đạo
Ở trong vô lượng cõi*

Từ thuở trước đến nay
Rộng nói nhiều các kinh
Mà ở trong kinh đó
Kinh này là bậc nhất
Nếu có người trì được
Thời là trì thân Phật.

Đoạn này là hiển bày lý do vì sao mà khó. Nói rằng từ Ta thành Phật đến nay, từ xưa đến nay ở nơi vô lượng cõi, đã từng nói kinh này cũng nhiều vô lượng, thấy đều tùy cơ mà luận bàn. Riêng kinh này vì *khai thị Nhất thừa Phật tánh*, phàm người nào thọ trì thì mau chứng quả Bồ-đề, cho nên gọi kinh này là đệ nhất. Nếu như có thể thọ trì được kinh này, tức là trì toàn thân của Phật, huệ mạng chẳng dứt. Nếu không phải là hạng đại căn, kiên cố nhẫn lực thì rất khó mà hành trì.

Các thiện nam tử này
Sau khi Ta diệt độ
Ai có thể thọ trì
Và đọc tụng kinh này
Thời nay ở trước Phật
Nên tự nói lời thệ.

Đoạn này nói người nào có thể thọ trì được kinh Pháp Hoa này thì nên phát lời thệ nguyện, muốn họ được bền chắc thệ nguyện của mình. Trên đây là chung tụng về sự khó trì kinh.

Chánh văn:

*18. Kinh pháp đây khó trì
Nếu người tạm trì đó
Thời Ta rất vui mừng
Các đức Phật cũng thế
Người nào được như vậy
Các đức Phật thường khen
Đó là rất dũng mãnh
Đó là rất tinh tấn
Gọi là người trì giới
Bậc tu hạnh đầu đà
Thời chắc sẽ mau đặng
Quả Vô Thượng Phật đạo.
Có thể ở đời sau
Đọc trì kinh pháp này
Là chân thật Phật tử
Trụ ở bậc thuần thiện.
Sau khi Phật diệt độ*

**Có thể hiểu nghĩa này
Thời là mắt sáng suốt
Của trời người trong đời.
Ở trong đời kinh sợ
Hay nói trong chốc lát
Tất cả hàng trời người
Đều nên cúng dường đó.**

Giải thích:

Đoạn này nói kinh khó trì mà trì được, nên Ta và chư Phật đồng ngợi khen. Tuy nhiên, trì kinh này không phải nơi giấy mực, văn tự, quan trọng cần phải quên lời để được ý, thì khéo hợp Phật tâm, gọi là dũng mãnh tinh tấn. Đó mới gọi là Tổng trì muôn hạnh, liền dứt được tất cả phiền não, nên gọi là người trì giới, bậc đầu đà, không cần trải qua nhiều kiếp mà chứng Phật địa.

**Có thể ở đời sau
Đọc trì kinh pháp này
Là chân thật Phật tử
Trụ ở bậc thuần thiện.
Sau khi Phật diệt độ
Có thể hiểu nghĩa này**

*Thời là mắt sáng suốt
Của trời người trong đời.*

Là nói dựa vào trên mà được lợi ích lớn. Thế nên, trong đời ác mà có thể thọ trì kinh gọi là chân Phật tử. Nếu có thể hiểu được nghĩa kinh này, đó là con mắt của thế gian, vì đã được khai Tri kiến Phật rồi.

*Ở trong đời kinh sợ
Hay nói trong chốc lát
Tất cả hàng trời người
Đều nên cúng dường đó.*

Đoạn này là kết rằng người hay thuyết kinh này, nên cúng dường người đó như cúng dường Phật.

Hỏi: Đức Đa Bảo chứng minh diệu pháp, các Hóa Phật đã nhóm xong, đức Thế Tôn lại không nói gì khác, riêng đem việc trì kinh, nói khó khăn nhiều lần là vì sao?

Đáp: Do đối với Tri kiến Phật chúng sinh mê muội đã lâu, từ thời xa xưa thuở đức Đại Thông Trí Thắng cho đến nay trải qua số kiếp nhiều như vi trần, một bề mê muội không tỏ ngộ. Đã phí công của đức Phật đời đời kiếp kiếp theo họ giáo

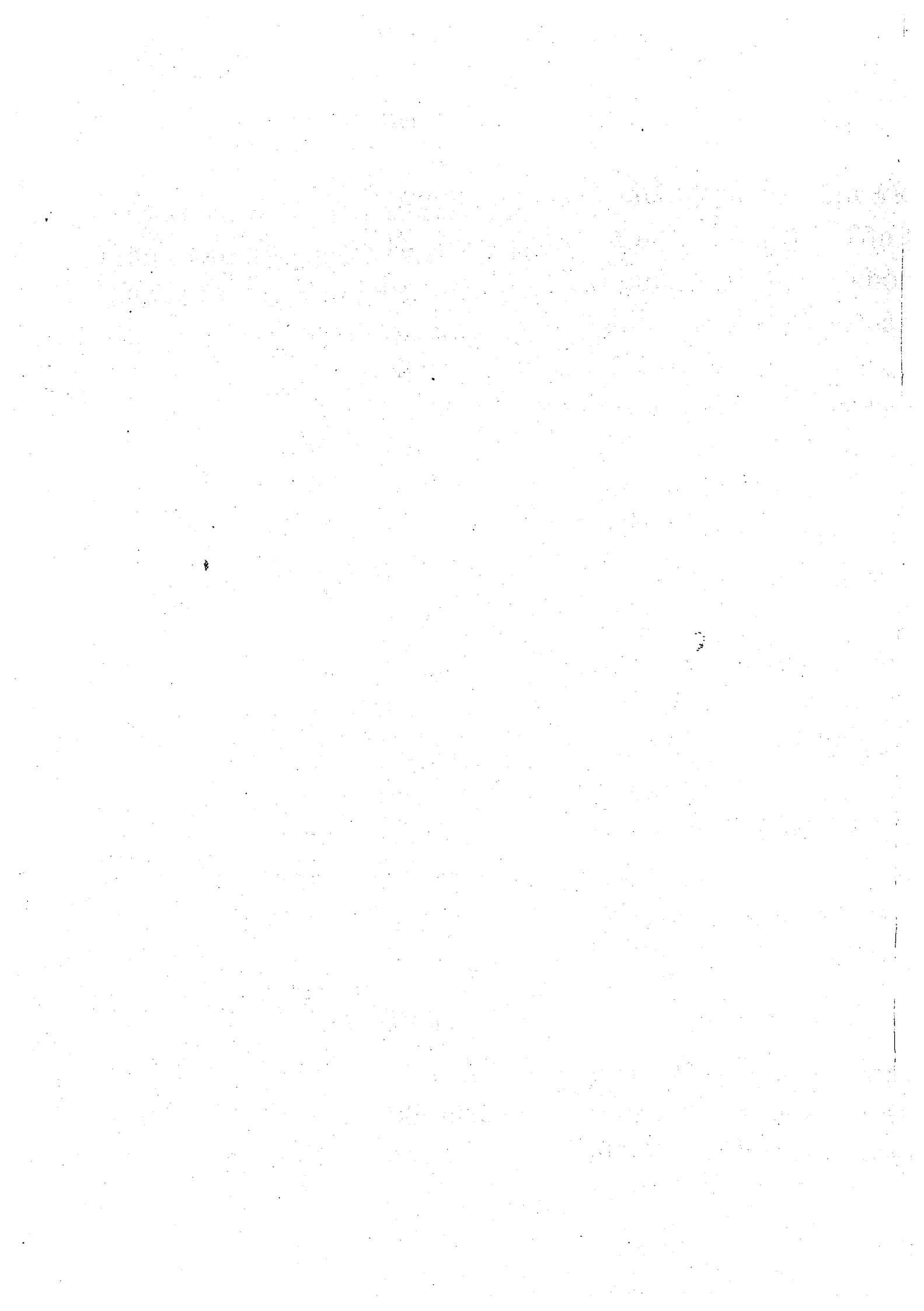
HT. Thích Trí Tịnh

hóa, trải qua vô lượng bất khả tư nghì số kiếp. Cho đến ngày nay còn phải vất vả trong bốn mươi năm dùng phương tiện khai thị. Những người hiện tiền tin hiểu đó nào có được bao nhiêu? Vì thế gọi Phật pháp rất khó gặp là như vậy.

Nay đã khai thị, nếu chẳng bền chắc để thọ trì diệu pháp, e sau này một khi đã thối thất, không biết phải trải qua bao nhiêu vi trần điểm số kiếp nọ, chưa biết có được nghe kinh như ngày hôm nay không. Nếu pháp này mất sự thọ trì thì Phật chủng đoạn tuyệt, há là việc nhỏ?

Như ông Trưởng giả giàu có, sáng lập gia nghiệp gian nan, cần khổ nhiều đời mới có được gia nghiệp giàu có. Nếu không có con để giao phó giữ gìn, một mai tan mất đi khó có thể tìm cầu lại được như xưa. Do đó, đức Thế Tôn nhắc lại nhiều lần khuyên gắng thọ trì chính là ý này vậy.

Mười phẩm ở trước là *khai thị Phật tri kiến*, tổng gọi là Tín Giải. Thế nên, các phẩm về sau phần nhiều nói đến công đức trì kinh để hiển bày *ngộ Phật tri kiến*. Khi đã ngộ rồi mà giữ gìn được là rất khó vậy.



MƯỜI HAI

Phẩm Đề-bà-đạt-đa

Ý có phẩm này liên quan về sau mười phẩm cùng chung ý nghĩa *ngộ Phật tri kiến*. Do vì ở trước đã khai thị ba châu là *khai Phật tri kiến*. Hàng Nhị thừa chỉ tin tâm này mà thôi, tuy tin chân tâm mà chưa đạt được diệu cảnh, cho nên một phẩm Hiện Bảo Tháp chỉ thẳng cảnh diệu gọi đó là *thị Phật tri kiến*.

Dưới đây gọi là *ngộ Phật tri kiến*, do hàng Thanh văn dù tin tự tâm mình là Phật, nhưng vì

trải qua nhiều kiếp vô minh chưa hết. Từ lâu tri kiến của họ nhỏ hẹp và tập khí chưa quên. Tuy nói rằng Tín Giải mà còn thuộc về tri giải (theo nơi danh tự ngôn ngữ mới tổ ngộ được), cho nên phải dùng nhiều phương tiện, diệu hạnh để điều trị, mới đắc Pháp thân thuần tịnh.

Sợ cho những người này khi vào thế tục độ sinh, không khéo dùng phương tiện, cần chuẩn bị trước mà chỉ bày cho họ các phương thức để thủ hộ. Từ nơi diệu hạnh mà được ngộ nhập, để họ không sa vào phàm tình, không sinh tâm lo sợ. Đây chính là lòng từ bi rộng lớn của đức Như Lai, chỗ gọi rằng cái ý dự trước mà để lại phương thuốc.

Từ đây về sau là chung hiển bày về phần hạnh chứng, trong kinh văn đều có phần riêng. Ở đây phán là phần ban đầu thuộc *ngộ Phật tri kiến*, nên lấy Đề-bà-đạt-đa làm tên của phẩm, muốn hiển bày ngộ khó và dễ đều lấy hành trì làm căn bản. Do vì hàng Thanh văn từ lâu ôm lòng lo sợ Phật đạo dài xa nên không khởi một niệm tâm mong cầu, ngày nay dù được Phật thọ ký. Hơn nữa văn kinh nói: “Thanh văn còn trải qua nhiều kiếp mới được chứng quả”. Phải chăng đức Phật e cho

họ do thói quen trước mà chẳng vâng chịu kích thích lòng ước nguyện? Thế nên, đức Thế Tôn tự dẫn bốn sự, tuy làm một vị quốc vương mà không tiếc thân mạng để mong cầu diệu pháp. Do hành trì khổ hạnh này nên ngày nay được chứng quả Bồ-đề. Ngộ khó này là tiệm ngộ. Lại e cho hàng Hạ căn sợ khó mà không tiến tới, nên nói việc Văn-thù giáo hóa Long nữ mới bảy tuổi thành Phật, để thấy việc thành Phật là dễ. Và lại, biển là nơi sinh tử trầm nịch, Rồng là đứng đầu trong Tam độc, nữ là khí âm tà uế trước rất khó giáo hóa, mà chỉ trong khoảng dâng châu liền đó thành Phật, sao mà dễ như vậy ư? Đây là đốn ngộ vậy. Nhờ thân cận bậc Đại trí làm chỗ quy hướng, ý là khiến chúng đương cơ sau khi Phật diệt độ nên gần gũi bậc tối thắng tri thức, mới có thể đạt được cái tốt diệu ngộ, vĩnh viễn không rơi vào hàng Nhi thừa. Thế nên phần đầu của ngộ là lập tiệm đốn, do vậy mà có phẩm này.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các vị Bồ-tát và hàng Trời, người, bốn chúng: "Ta ở trong vô lượng kiếp về thời quá khứ cầu kinh Pháp Hoa không có lười mỏi. Trong

nhiều kiếp thường làm vị Quốc vương phát nguyện cầu đạo Vô Thượng Bồ-đề, lòng không thối chuyển. Vì muốn đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật nên siêng làm việc bố thí lòng không lẩn tiếc, bố thí voi, ngựa, bảy báu, nước, thành, vợ con, tôi tớ, bạn bè, cho đến đầu, mắt, tuỷ, óc, thân, thịt, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng.

Thuở đó, nhân dân trong đời sống lâu vô lượng, vua vì mến pháp nên thôi bỏ ngôi vua, giao việc trị nước cho Thái tử. Đánh trống rao lệnh cầu pháp khắp bốn phương: “Ai có thể vì Ta nói pháp Đại thừa, thời Ta sẽ trọn đời cung cấp hầu hạ”.

Khi ấy, có vị Tiên nhân đến thưa cùng vua rằng: “Ta có pháp Đại thừa tên là kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nếu Đại vương không trái ý ta, ta sẽ vì Đại vương mà tuyên nói”.

Vua nghe lời vị Tiên nhân nói, vui mừng lớn hởi, liền đi theo vị Tiên nhân để cung cấp việc cần dùng: hoặc hái trái, gánh nước, hoặc lượm củi, nấu ăn cho đến dùng thân mình làm giường ghế, thân tâm không biết mỏi. Thuở đó theo phụng thờ vị Tiên nhân trải qua một nghìn năm, vì trọng pháp nên siêng năng cung cấp hầu hạ cho Tiên nhân không thiếu thốn.

Giải thích:

Đây là đức Thế Tôn tự trình bày sự khó khăn

HT. Thích Trí Tịnh

cần khổ cầu diệu pháp của ngày xưa, để cảnh tỉnh tâm giải đãi của Nhị thừa. Câu nói: *“Ta ở trong vô lượng kiếp về thời quá khứ cầu kinh Pháp Hoa không có lười mỏi”*, đó là tâm cầu diệu pháp không chỉ trong một kiếp. Huống chi trong nhiều kiếp thường làm vua một nước mà luôn tinh tấn mong cầu diệu pháp, đó không phải là người tầm thường.

Hơn nữa vì cầu diệu pháp mà bố thí voi, ngựa, các vật sở hữu... là ngoại thí. Bố thí đầu, mắt... là nội thí, xả bỏ ngôi vua là bố thí tất cả. Mong có người nói diệu pháp nguyện trọn đời theo hầu hạ, phục dịch tinh cần nhẫn nại là *Vong ngã đã tột*. Lúc đó, có vị Tiên nhân ứng lại nguyện vọng của vua mà nói diệu pháp đó là *“cảm ứng của lòng tinh tấn thành khẩn”*. Vua nghe tin liền vui mừng đi theo hầu hạ cần khổ chẳng nhàm chán, nhẫn đến đem thân làm sàng tòa mà chẳng mỏi. Trải qua một nghìn năm lâu dài mà chẳng từ cái việc hầu hạ đầy đủ. Đây là tâm cầu pháp siêng năng, cần khổ lâu dài như vậy. Hàng Nhị thừa được thọ ký, mỗi người đều tự xét lại tâm cầu pháp của mình có sự tinh thành như đây ư? Ta nay vì nói đại bảo của Pháp vương.

Những người không mong cầu mà tự được, há nên xem để cho là tâm thường đó ư? Trong tương lai, trải qua thờ nhiều đức Phật, phải nên thể theo tâm Ta như vậy, mới gọi là người trì pháp. Người xưa nói: “*Đã tỏ ngộ rồi giữ gìn (cái ngộ) ấy là khó*”. Nếu không có khắc khổ kiên cường thì làm sao được Thánh quả. Thế nên, phân ban đầu khuyến cáo ngộ tâm phải căn cứ ở đây.

Chánh văn:

2. Bấy giờ, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

*Ta nhớ kiếp quá khứ
Vì cầu pháp Đại thừa
Dù làm vị Quốc vương
Chẳng ham vui Ngũ dục.
Đánh chuông rao bốn phương
Ai có pháp Đại thừa
Nếu vì Ta giải nói
Thân sẽ làm tôi tớ.
Giờ có tiên Trường Thọ
Đến thưa cùng Đại vương
Ta có pháp nhiệm mầu*

Trong đời ít có đặng
Nếu có thể tu hành
Ta sẽ vì ông nói,
Khi vua nghe Tiên nói
Sinh lòng rất vui đệp
Liền đi theo Tiên nhân
Cung cấp đồ cần dùng
Lượm củi và rau trái
Theo lời cung kính dâng
Lòng ham pháp Đại thừa
Thân tâm không lười mỗi,
Khấp vì các chúng sinh
Siêng cầu pháp mẫu lớn
Cũng không vì thân mình
Cùng với vui Ngũ dục
Nên dù làm vua lớn
Siêng cầu đặng pháp này
Do đó đặng thành Phật
Nay vẫn vì ông nói.

Giảng giải:

Ta nhớ kiếp quá khứ
Vì cầu pháp Đại thừa

Dù làm vị Quốc vương
Chẳng ham vui Ngũ dục.
Đánh chuông rao bốn phương
Ai có pháp Đại thừa
Nếu vì Ta giải nói
Thân sẽ làm tôi tớ.
Giờ có tiên Trường Thọ
Đến thưa cùng Đại vương
Ta có pháp nhiệm mầu
Trong đời ít có đặng
Nếu có thể tu hành
Ta sẽ vì ông nói.
Khi vua nghe Tiên nói
Sinh lòng rất vui đẹp
Liền đi theo Tiên nhân
Cung cấp đồ cần dùng
Lượm củi và rau trái
Theo lời cung kính dâng
Lòng ham pháp Đại thừa
Thân tâm không lười mỏi.

Là chung tụng về đức Thế Tôn thuở xưa tinh cần cầu pháp. A-tư-đà nghĩa là vô tử, là bốn sư

trong quá khứ của Phật. Nếu pháp mà có thể so sánh thì chẳng khiến cho người mong cầu quên thân đến như vậy.

Khấp vì các chúng sinh

Siêng cầu pháp mẫu lớn

Cũng không vì thân mình

Cùng với vui Ngũ dục

Nên dù làm vua lớn

Siêng cầu đặng pháp này

Dò đó đặng thành Phật

Nay vẫn vì ông nói.

Đoạn tụng này nói về sự khó của việc cầu pháp thuở xưa, mà nay vì chúng nói thì quá dễ, muốn cho đại chúng biết mà tôn trọng.

Chánh văn:

3. Phật bảo các Tỷ-kheo rằng: "Thuở ấy, vua đó thời chính thân Ta, còn Tiên nhân đó chính là ông Đê-bà-đạt-đa. Do nhờ ông thiện tri thức Đê-bà-đạt-đa làm cho Ta đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, từ bi hỷ xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi món đẹp, thân sắc vàng tía, mười trí lực, bốn món vô sở úy, bốn món nhiếp pháp, mười tám món bất cộng, thần thông đạo lực, thành bậc Đẳng

Chánh Giác rộng độ chúng sinh, tất cả công đức đó đều là nhân thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa cả”.

Giải thích:

Đoạn này đức Phật thuật lại Đề-bà-đạt-đa nay chính là thầy Tiên nhân ngày xưa, ý để chỉ bày sự khắc khổ là nhân duyên thành Phật. Đề-bà-đạt-đa có nghĩa là Thiên Nhiệt, khi sinh ra tâm của trời người đều nóng nảy, nên lấy đó mà đặt tên. Lại do mẹ ông cầu Trời mà sinh nên gọi là Thiên Thọ, là con của Học Phạm Vương, là em cùng họ với Phật. Tuy nhiên, vì nghịch hạnh nên đời đời chuyên tâm hại Phật, nay càng nặng nề hơn, thường giấu chất độc trong mười ngón tay, chờ khi lễ Phật thì bầu vào chân Phật. Nhưng chân Phật không hề bị thương trái lại móng tay của ông bị hư gãy. Lại cùng âm mưu với vua A-xà-thế giết Phật để tự mình lên thay, vua thả 500 voi say đến cho giẫm đạp Phật, nhưng Phật lấy ngón tay chỉ thì hiện con Sư tử, bầy voi liền bị nhiếp phục. Lại xô đá lớn đè Phật, địa Thần ngăn đá lại, đá bể ra từng mảnh nhỏ, trúng chân Phật chảy máu, do đó bị sa vào địa ngục.

Đức Phật sai sứ hỏi thăm: “Ông có được an lành không?”.

Ông liền đáp: “Ta ở đây vui như ở cõi trời Tứ thiên (khổ lạc bình đẳng, tức là người đã rời được pháp chấp).

Lại hỏi: “Ông bao giờ ra khỏi địa ngục?”.

Đáp: Chờ đức Thế Tôn vào địa ngục ta mới ra

Tội Ngũ nghịch của ông theo như đây thì sự hại đức Phật chẳng phải chỉ một đời. Ngày nay, Đề-bà-đạt-đa tức là Tiên nhân thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa thuở xưa. Do đó, nói Đề-bà-đạt-đa là thiện tri thức đã làm cho Ta đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, Tứ vô lượng tâm v.v... Nhờ đó mà được thành Chánh Giác, rộng độ chúng sinh, đều nhân nơi thiện tri thức Đề-bà-đạt-đa. Đức Như Lai được thành Phật quả ngày nay đều nhân nơi Đề-bà-đạt-đa mà thành. Ân đó rất lớn không thể nói hết được.

Kỳ thật, Đề-bà-đạt-đa dùng oán hại mà đức Thế Tôn quý trọng như thế, đủ biết quả Phật khó thành. Chỗ gọi là thị hiện oan gia, dùng oan gia bức bách để kiên cố sức nhân nhục tinh cần bất thối của

người tu. Nếu không như thế thì làm sao có được ngày hôm nay! Điều gọi là Nhất xiển-đề mà chẳng phải là Nhất xiển-đề. Thế gian giải thoát lấy ai mà chuyển hóa! Đức Thế Tôn thuật việc này, do phẩm trước tột nói về sự khó khăn của việc trì pháp. Do vì đời ác nhiều oán hại, nên Ngài muốn hàng Nhị thừa vừa được thọ ký, trong tương lai là người trì kinh, ở nơi đời ác, nên quán việc đức Như Lai nhân nơi Đề-bà-đạt-đa oán hại đó mà được thành Bồ-đề, rồi sau mới không có tâm thối lui khiếp sợ. Bởi thành quả Phật không khó, cho nên lúc ban đầu tỏ ngộ ắt như đức Phật thờ Đề-bà-đạt-đa làm thầy lấy đó để làm mô phạm tốt, sau mới khiến cho pháp trụ ở đời lâu dài được.

Chánh văn:

4. Phật bảo hàng Tứ chúng: "Qua vô lượng kiếp về sau, ông Đề-bà-đạt-đa sẽ đặng thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Thiên Đạo, lúc Thiên Vương Phật trụ ở đời hai mươi trung kiếp, rộng vì các chúng sinh mà nói pháp mầu, Hằng hà sa chúng sinh đặng quả A-la-hán, vô

HT. Thích Trí Tịnh

lượng chúng sinh phát tâm Duyên giác, Hằng hà sa chúng sinh phát tâm Vô Thượng đạo, đặng Vô sinh nhẫn đến bậc Bất thối chuyển.

Sau khi Đức Thiên Vương Phật nhập Niết-ban, chánh pháp trụ lại đời hai mươi trung kiếp, toàn thân Xá-lợi dựng tháp bằng bảy báu cao sáu mươi Do-tuần, ngang dọc bốn mươi Do-tuần. Các hàng Trời nhân dân đều đem hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương đốt, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc, ca tụng để lễ lạy cúng dường tháp đẹp bằng bảy báu đó. Vô lượng chúng sinh đặng quả A-la-hán, vô lượng chúng sinh ngộ Bích-chi Phật, bất khả tư nghị chúng sinh phát tâm Bồ-đề đến bậc Bất thối chuyển”.

Giải thích:

Đây là đức Phật thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa, mà không liệt vào hàng đệ tử. Vì đó là bốn sư của đức Thế Tôn, hơn nữa dùng những hạnh mãi giữa để làm kiên cố nhân lực của Như Lai để thành tựu Bồ-đề, nên để ở đầu là Ngô Thủ, làm mô phạm cho người trì kinh ở đời ác trước.

Phật hiệu là Thiên Vương, nghĩa là do oán hại khiến cho Phật có sức mạnh nhẫn nhục, càng thêm kiên cường để đến thành bậc Đại tự tại mà

cảm ứng kết quả như thế. Cõi nước tên là Thiên Đạo, nghĩa là chư Phật thành đạo chưa từng thấy ai không do nhân khổ mà thành, đó là lý tự nhiên. “Rộng vì các chúng sinh mà nói pháp mầu” đó là nói ban đầu đem diệu pháp mà giáo hóa đức Thế Tôn, nên quả trên gọi là thường thuyết diệu pháp, mà chúng sinh nghe diệu pháp rồi đều được quả Tam thừa, chính là chỉ bày cái pháp có một mà căn cơ thì sai khác.

Thử đó, đức Phật Thiên Vương diệt độ rồi, những người cúng dường tháp được quả Tam thừa, do từ nơi nhân hạnh mà cảm ứng ra như vậy.

Chánh văn:

5. Đức Phật bảo các Tỷ-kheo: “Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nghe kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, sinh lòng trong sạch kính tin chẳng sinh nghi lằm, thời chẳng đọa địa ngục, nga quý, súc sinh, được sinh ở trước các đức Phật trong mười phương, chỗ người đó sinh ra thường được nghe kinh này. Nếu sinh vào cõi nhân thiên thời hưởng sự vui rất thắng diệu, nếu sinh ở trước Phật thời từ hoa sen hóa sinh”.

Giải thích:

Đây là nói ở đời vị lai nếu có người nghe

phẩm này sinh lòng kính tin không hoài nghi thì trọn chẳng đọa vào Tam đồ, nếu sinh ở trước Phật thì liền hoa hóa sinh. Do thấy đức Thế Tôn câu pháp rất khó, vì nhiều oán hại mới được thành tựu nhân lực, nên được sự lợi ích ở nơi chuyên trì diệu pháp, kiên nhẫn bất thối, cho nên được quả báo thù thắng như vậy.

Chánh văn:

6. Bảy giờ, ở Hạ phương, vị Bồ-tát theo hầu đức Đa Bảo Như Lai tên là Trí Tích bạch với đức Đa Bảo Phật nên trở về bốn quốc, đức Thích-ca Mâu-ni Phật bảo Trí Tích rằng: "Thiện nam tử! Chờ giây lát, cõi đây có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi có thể cùng ra mắt nhau luận nói pháp mẫu rồi sẽ về bốn độ".

Giải thích:

Đây là vị Bồ-tát ở Hạ phương tên là Trí Tích thỉnh Phật Đa Bảo nên trở về bốn độ, đã chứng minh xong pháp sự, không nên ở lâu, ý tiêu biểu sự chứng ngộ chưa quên, vẫn còn chấp pháp, khi không còn một dấu vết gì, năng sở đều mất mới thật là diệu ngộ.

Thiền tông chỗ gọi là: "Một chữ ngộ cũng

phải nhổ bỏ, đó mới là cái biểu tượng phản bốn hoàn nguyên". Đức Thích-ca giữ ngài Đa Bảo lại chờ ngài Văn-thù, là tiêu biểu cho sở ngộ diệu pháp, dung hòa nhau làm thành quán chiếu, trừ hết pháp chấp mới tận cùng được sự vi diệu của việc trì pháp, cho nên đợi ngài Văn-thù cùng nhau luận bàn về diệu pháp.

Chánh văn:

7. Lúc đó, ngài Văn-thù-sư-lợi ngồi hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, các vị Bồ-tát cùng theo cũng ngồi hoa sen báu, từ nơi cung rồng Ta-kiệt-la trong biển lớn tự nhiên vọt lên trụ trong hư không, đến núi Linh Thứu, từ trên hoa sen bước xuống đến chỗ Phật, đầu mặt kính lạy chân hai đức Phật, làm lễ xong, qua chỗ Trí Tích cùng hỏi thăm nhau rồi ngồi một phía.

Giảng giải:

Đoạn này nói ngài Văn-thù ngồi trên hoa sen báu từ trong biển vọt lên, tiêu biểu cho người giác ngộ bản tâm như hoa sen nở, diệu trí hiện tiền, trong biển tạng thức đồ sộ tự nhiên hiển lộ. Nói *“đến chỗ Phật, đầu mặt kính lạy chân hai đức Phật”* là tiêu biểu cho *Trí Thủy giác* hợp với *Bản giác*. Nói *“qua chỗ Trí Tích cùng hỏi thăm nhau”*

là biểu tượng cho hai trí tương hội, chẳng phải ở đây thì không đủ để nói chỗ diệu ngộ.

Chánh văn:

8. Ngài Trí Tích Bồ-tát hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi rằng: “Ngài qua cung Rong hóa độ chúng sinh số được bao nhiêu?”.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: “Số đó vô lượng không thể tính kể, chẳng phải miệng nói được, chẳng phải tâm lường được, chớ chùng giấy lát sẽ tự chứng biết”.

Ngài Văn-thù-sư-lợi chưa nói dứt lời, liền có vô số Bồ-tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên đến núi Linh Thứu trụ giữa hư không. Các vị Bồ-tát này đều là của ngài Văn-thù-sư-lợi hóa độ, đủ hạnh Bồ-tát đều chung luận nói sáu pháp Ba-la-mật. Những vị mà trước kia là Thanh văn ở giữa hư không nói hạnh Thanh văn nay đều tu hành “nghĩa không” của Đại thừa.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói với Trí Tích rằng: “Tôi giáo hóa ở nơi biển việc đó như thế”.

Giải thích:

Đoạn này nói ngài Trí Tích hỏi về chúng sinh mà ngài Văn-thù giáo hóa. Câu “số đó vô lượng không thể tính kể”, nghĩa là sự sinh tử trong biển

lớn, trong hang nhà Tam độc, nếu không phải là Đại trí thì không thể thâm nhập, chẳng phải diệu pháp thì không thể chuyển hóa phiền não thành diệu hạnh. Nhờ trí huệ có phát khởi lên, mê hoặc liền tan biến, nên vô số phiền não kia đương thể tức đều thanh tịnh, do vậy có vô số Bồ-tát ngồi tòa sen báu lớn đến núi Linh Thứu trụ ở trên hư không. Phiền não một khi đã chuyển hóa thì tất cả công đức hạnh đều là Phật hạnh. Thế nên, đều tu hành *nghĩa không của Đại thừa*. Vì thế, nên ngài Văn-thù nói: “*Tôi giáo hóa ở nơi biển việc đó như thế*”.

Chánh văn:

9. Lúc ấy, ngài Trí Tích Bồ-tát nói kệ khen rằng:

*Đại trí đức mạnh mẽ
Hóa độ vô lượng chúng
Nay trong hội lớn này
Và tôi đều đã thấy
Diễn nói nghĩa thật tướng
Mở bày pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sinh
Khiến mau thành Bồ-đề.*

Giải thích:

HT. Thích Trí Tịnh

Đoạn này là ngài Trí Tích nói kệ khen ngợi ngài Văn-thù.

**Đại trí đức mạnh mẽ
Hóa độ vô lượng chúng
Nay trong hội lớn này
Và tôi đều đã thấy**

Đoạn kệ tụng này nói nếu chẳng phải là bậc đại trí đồng kiến thì không thể độ được nhiều chúng sinh như thế.

**Diễn nói nghĩa thật tướng
Mở bày pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sinh
Khiến mau thành Bồ-đề.**

Đoạn kệ tụng này nói nếu chẳng phải là diệu pháp thì không thể chuyển biến mau chóng như vậy.

Chánh văn:

10. Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: "Ta ở biển chỉ thường tuyên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa".

Giải thích:

Đây là Ngài Văn-thù-sư-lợi đáp lại bài kệ trên, chỗ gọi rằng chỉ thường tuyên nói kinh Diệu

Pháp Liên Hoa không có pháp khác, ý hiển bày diệu pháp được thành tựu mau chóng. Cho nên, dưới đây hỏi rằng ai có thể mau thành Phật không?

Chánh văn:

11. Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi rằng: “Kinh này rất sâu vi diệu, là báu trong các kinh, trong đời rất ít có. Vậy có chúng sinh nào siêng năng tinh tấn tu hành kinh này mau đặng thành Phật chăng?”.

Giải thích:

Đoạn này ngài Trí Tích hỏi lại Ngài Văn-thù: Có chúng sinh nào nương theo diệu pháp thâm sâu này mà tu hành, mau được thành Phật không? Câu hỏi này quan trọng ở chỗ trình bày công năng của diệu pháp là thành tựu rất nhanh chóng.

Chánh văn:

12. Ngài Văn-thù-sư-lợi nói: “Có con gái của vua rồng Ta-kiệt-la mới tám tuổi mà căn tánh lanh lẹ, có trí huệ, khéo biết các căn tánh hành nghiệp của chúng sinh, đặng pháp tổng trì, các tạng pháp kín rất sâu của các Phật nói đều có thể thọ trì, sâu vào thiên định, rõ thấu các pháp. Trong khoảng Sát-na phát tâm Bồ-đề đặng bậc Bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sinh như

con đở, công đức đầy đủ, lòng nghĩ miệng nói pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến Bồ-đề”.

Trí Tích Bồ-tát nói rằng: “Tôi thấy đức Thích-ca Như Lai ở trong vô lượng kiếp làm những hạnh khổ khó làm, chứa nhiều công đức để cầu đạo Bồ-đề chưa từng có lúc thôi dứt, tôi xem trong cõi Tam thiên đại thiên nhân đến không có chỗ nhỏ bằng hạt cải, mà không phải là chỗ của Bồ-tát bỏ thân mạng để vì lợi ích chúng sinh, vậy sau mới đặng thành đạo Bồ-đề. Chẳng tin Long nữ đó ở trong khoảng giây lát chứng thành bậc Chánh Giác”.

Giải thích:

Đây là ngài Văn-thù rộng sâu khen ngợi Long nữ mới tám tuổi mà có căn tánh lạnh lẽ, nương theo diệu pháp tu hành mà có thể mau đến Bồ-đề, đây chính là người đó vậy (tức là trả lời câu trên).

Các dị loại trong biển là Tam độc. Các uế trước, thân nữ yếu đuối mà có thể đầy đủ uy đức thắng diệu như vậy, chính là hiển bày ý nghĩa sinh tử cấu trước, thể của phiền não, vốn là trí dụng thành Phật, nên nói rằng có thể mau đến Bồ-đề. Hơn nữa, nói trong Sát-na phát tâm liền được Bất

thôi, đó gọi là sức chuyển đời của nhất niệm. Đây thật là chỗ khó tin của bậc thường tình, thế nên ngài Trí Tích sinh nghi. Đức Thích-ca nhiều kiếp tu nhân mới được Bồ-đề, thế nào Long nữ trong khoảng khắc mà thành Chánh Giác được ư! Chỗ gọi là ở nơi ý chỉ thì đồng với chư Phật trong Sát-na. Mất đi cánh cửa này thì phải luống qua nhiều kiếp tu nhân! Chính là hiển bày diệu pháp, không phải ở nơi tình lâu hay mau, tịnh hay uế mà có thể đo lường được.

Chánh văn:

13. Nói luận chưa xong, lúc đó con gái của Long vương bỗng hiện ra nơi trước, đầu mặt lễ kính Phật rồi đứng một phía nói kệ khen rằng:

*Thấu rõ tướng tội phước
Khấp soi cả mười phương
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba mươi hai tướng
Dùng tám mươi món tốt
Để trang nghiêm Pháp thân
Trời, người đều kính ngưỡng
Long Thần thấy cung kính*

Tất cả loài chúng sinh
Không ai chẳng tôn phụng
Lại nghe thành Bồ-đề
Chỉ Phật nên chúng biết
Tôi nói pháp Đại thừa
Độ thoát khổ chúng sinh.

Giảng giải:

Đoạn này Long nữ xuất hiện chứng quả tiêu biểu cho tình chấp nhỏ hẹp trệ ở nơi tướng. Chấp sự tu hành của đức Thích-ca, lại thấy Long nữ tội cấu, ở đây đều không đạt được tội phước tánh không. Chỉ có ngài Văn-thù tiêu biểu cho đại trí khắp soi mới hiểu không có tướng sai biệt, đều nhất tế bình đẳng thì nào có gì là chậm hay mau! Câu: “*Tôi nói pháp Đại thừa, độ thoát khổ chúng sinh*”, ý nói chỉ trì kinh này để độ chúng sinh vậy.

Chánh văn:

14. Bấy giờ, ngài Xá-lợi-phất nói với Long nữ rằng: “Người nói không bao lâu chúng đặng đạo Vô Thượng, việc đó khó tin. Vì sao? Vì thân gái nhớ uest chẳng phải là pháp khí, thế nào có thể đặng thành Vô Thượng Chánh Giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần

khổ chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái còn có năm điều chướng:

1. Chướng đặng làm Phạm Thiên vương.
2. Chướng đặng làm Đế Thích.
3. Chướng đặng làm Ma vương.
4. Chướng đặng làm Chuyển Luân Thánh Vương.
5. Chướng đặng làm Phật.

Thế nào thân gái đặng mau thành Phật?”.

Giải đáp:

Đây là ngài Xá-lợi-phất sinh nghi để hiển thị kiến chấp tướng của hàng Nhị thừa. Như chỗ của ngài Xá-lợi-phất thấy, thân nữ có năm điều chướng, tuyệt đối không có phần thành Phật. Đây là chỗ chấp chung của thường tình. Vì không đạt Pháp tánh vốn không, trọn không có tướng nam nữ, tịnh uế. Biết vậy mới có thể vào bình đẳng Thật tướng.

Chánh văn:

15. Lúc đó, Long nữ có một hạt châu báu, giá trị bằng cõi Tam thiên đại thiên đem dâng lên đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ-tát cùng tôn giả Xá-lợi-phất rằng:

HT. Thích Trí Tịnh

- Tôi hiến châu báu, đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chẵng?

- Đáp: "Rất mau".

Long nữ nói: "Lấy sức thân của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó".

Đương lúc đó, cả chúng hội đều thấy Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ-tát, liền qua cõi Vô Cấu ở phương Nam ngôi tòa sen báu thành bậc Đẳng Chánh Giác, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi món đẹp, khắp vì tất cả chúng sinh trong mười phương mà diễn nói pháp mầu.

Giải thích:

Đây là Long nữ tự thị hiện thành Phật nhanh chóng. Cái yêu thích của loài Rồng là hạt châu, nay trong khoảnh khắc Long nữ dâng châu liền được thành Phật, đó là tiêu biểu cho có thể liền dứt tham ái thì Phật tánh hiện tiền, chỗ gọi là tuệ giác bảm sinh (ngâm hiểu rõ) ở nơi tâm không nhờ bên ngoài. Nói "*Long nữ thoát nhiên biến thành nam tử*", biểu thị cho Phật tánh vô thường trọn không có tướng nam nữ, để phá sự chấp tướng của hàng Nhị thừa. Nói "*qua phương Nam*" là nói Minh chánh là phương Nam, tiêu biểu cho rời vô

minh tối tăm thì tạng tánh liền hiển hiện. Phật thể hiện tiền, liền qua phương Nam, thế giới Vô Cấu, ngồi trên hoa sen báu mà thành Chánh Giác.

Do vì từ nơi Pháp Hoa mà được ngộ, cho nên khắp vì chúng sinh diễn nói diệu pháp. Vì ngài Xá-lợi-phất sinh nghi mà Long nữ liền biến thành nam tử liền đó thành Phật, đó là lý do kích phát hàng Nhị thừa, chính là Xá-lợi-phất v.v... là bậc trượng phu mà không bằng một người nữ yếu đuối vậy.

Chánh văn:

16. Khi ấy, trong cõi Ta-bà, hàng Bồ-tát, Thanh văn, Trời, Rồng, Bát bộ, nhân cùng phi nhân đều xa thấy Long nữ kia thành Phật khắp vì hàng nhân thiên trong hội đó mà nói pháp, sinh lòng vui mừng đều xa kính lạy, vô lượng chúng sinh nghe pháp tỏ ngộ đặng bậc Bất thối chuyển, vô lượng chúng sinh đặng lãnh lời thọ ký thành Phật. Cõi Vô Cấu sáu diệu vang động, cõi Ta-bà ba nghìn chúng sinh trụ bậc Bất thối, ba nghìn chúng sinh phát lòng Bồ-đề mà đặng lãnh lời thọ ký.

Trí Tích Bồ-tát và ngài Xá-lợi-phất tất cả trong chúng hội yên lặng mà tin nhận đó.

Giải giảng:

Đoạn này nói pháp hội được lợi ích. Nói “cõi

HT. Thích Trí Tịnh

Vô Cấu sáu diệu vang động” là chuyển hóa ô nhiễm thành thanh tịnh, là biểu tượng của đốn ngộ do tâm. Nói chúng sinh cõi Ta-bà trụ bậc Bất thối mà được thọ ký là nhân nơi Long nữ kích phát mà được lợi ích thù thắng. Ngài Trí Tích, Xá-lợi-phất và đại chúng, lòng nghi được giải tỏa nên mặc nhiên tin thọ.

Phẩm này là hiển bày sự tinh cần nhẫn lực kiên cố phải như đức Thích-ca, tự mình không có tâm nhằm chán. Biết Long nữ mau chứng Bồ-đề, tự mình không sợ Phật đạo dài xa. Đây là đức Thế Tôn dùng phương tiện để giáo hóa hàng Bồ-tát.

*

MƯỜI BA

Phẩm Trì

Ý có phẩm này là do trước kia hàng dương cơ mới được tổ ngộ, tuy được thọ ký rồi mà còn phải trải qua nhiều kiếp tu nhân mới thành Phật. Đức Thế Tôn lo sợ tập khí thấp kém của hàng Tiểu thừa còn chưa trừ, sinh tâm sợ Phật đạo dài xa, nên Ngài tự trình bày sự khó khăn trong việc cầu pháp thuở xưa, để làm cho tiêu hết cái tâm mệt mỏi. Lại thấy việc Long nữ liền đốn thành Phật để khích lệ lòng hâm mộ, cho nên tiếp theo đây là phẩm Trì.

Kinh này là huệ mạng của chư Phật, là Phật tánh chánh nhân của chúng sinh. Sau khi đức Như Lai diệt độ, con người nhiều tệ ác, rất khó phụng trì. Nếu mất khả năng phụng trì thì Phật chủng đoạn tuyệt, đây là sự ẩn lo của Thế Tôn. Nếu hàng Bồ-tát ngầm lãnh ý của Phật, xin nguyện phụng trì, rộng nói kinh này, chẳng tiếc thân mạng, đó mới là an lòng đức Thế Tôn, nguyện Phật chớ lo vậy. Năm trăm đệ tử cùng hàng hữu học, vô học cũng nguyện lãnh ý của Phật và đều nguyện ở các nước khác rộng tuyên kinh này. Vì những người ở cõi Ta-bà phần nhiều là hàng tăng thượng mạn, nên tự lượng sức mình không thể hóa độ được.

Bấy giờ, di mẫu của Phật cùng các Tỷ-kheo-ni v.v... từ trước đến nay tự thấy thân nữ nhiều chướng ngại chẳng dám mơ ước quả vị Phật. Nay thấy Long nữ thành Phật một cách dễ dàng, thì cũng tự tin mình có phần thành Phật, nên thỉnh đức Thế Tôn đặc biệt vì thọ ký. Do đó, họ cũng nguyện ở nơi nước khác rộng nói kinh này, để thấy tâm bất thối của mình.

Bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi muôn ức Na-do-tha Bồ-tát mà không nói lời nào, ý cho

rằng hàng Thanh văn dù có nguyện thọ trì kinh này, mà chưa thực hành công hạnh xen vào thế tục để lợi sinh, cũng chẳng biết phương pháp tránh các tai họa và pháp lực chưa đủ, e rằng bị lưu nạn, khiến cho pháp duyên chẳng rộng truyền nên muốn các vị Bồ-tát để điều phục hộ trì. Chư Bồ-tát ngầm lãnh ý của Phật, đồng phát thệ nguyện, sau khi Như Lai diệt độ sẽ đi khắp trong mười phương thế giới, chỉ dùng sức nhẫn để thọ trì kinh này. Tuy nhiên, không phải do sức mình, mà đó là thần lực của Như Lai thủ hộ. Đây là để dẫn dắt kẻ sơ tâm. Đó là lý do để an ủi đức Như Lai nguyện xin Phật chớ có lo.

Cho nên, phẩm lấy tên là Trì. Trì nghĩa là giữ những cái đã có, mà ý chẳng để cho mất. Đối với thế tục, gọi là giữ gìn sự nghiệp là khó vậy.

Thí như ông Trưởng giả giàu có đem hết gia nghiệp mà giao phó cho con. Nếu một khi mất sự giữ gìn thì Tổ mạch đoạn tuyệt, há là việc nhỏ ư? Thế nên, kinh văn ở phẩm này, riêng nói về việc trì kinh, để thuyết minh về cái khó của ngộ trì (tỏ ngộ rồi giữ gìn), nên có phẩm này vậy.

Chánh văn:

1. Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương đại Bồ-tát và ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ-tát Ma-ha-tát cùng chung với quyến thuộc hai muôn vị Bồ-tát đều ở trước Phật nói lời thệ rằng: “Cúi mong đức Thế Tôn chớ lo, sau khi Phật diệt độ, chúng con sẽ phụng trì đọc tụng nói kinh điển này, đời ác sau, chúng sinh căn lành càng ít, nhiều kẻ tăng thượng mạn tham lợi dưỡng cúng dường, thêm lớn căn chướng lành, xa lìa đạo giải thoát, dù khó có thể giáo hóa, chúng con sẽ khởi sức nhẫn lớn đọc tụng kinh này, thọ trì, giải nói, biên chép, dùng các món cúng dường cho đến chẳng tiếc thân mạng”.

Lúc đó, trong chúng có năm trăm vị A-la-hán đã đặng thọ ký đồng bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện ở nơi cõi khác rộng nói kinh này”.

Lại có bậc học và vô học tám nghìn người đã đặng thọ ký đồng từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về phía Phật nói thệ rằng: “Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở cõi khác rộng nói kinh này. Vì sao? Vì người trong nước Ta-bà nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạ tâm không chân thật”.

Giải giảng:

Đoạn này, nhân từ trước đến nay đức Như Lai đã tốt nói kinh này khó trì, ân cần khuyến khích.

Vả lại, Phật nói rằng: Ai có thể hộ trì kinh này thì tự nói lời thệ nguyện, cho nên ngài Dược Vương và ngài Nhạo Thuyết Bồ-tát phát nguyện phụng trì. Ngài Dược Vương thì quên thân xả chấp, còn ngài Nhạo Thuyết thì có đủ nhạo thuyết biện tài. Chỗ gọi là “*dùng tâm không giải đãi mới có thể trì kinh*”, nên hai Ngài đứng đầu trong chúng mà phát nguyện. Đức Thế Tôn lo sợ cho những người trong đời mạt pháp, khó thọ trì được kinh này, vì người nhiều tệ ác. Do vậy, ngài Dược Vương nguyện giữ gìn. Trước kia thuật về người tệ ác, vì thiện căn của họ thiếu kém, nên khó có thể giáo hóa.

Muốn trì kinh phải khởi đại nhân lực, chẳng tiếc thân mạng. Đây chính lãnh lời dạy trước của đức Như Lai. Dùng sự vào nhà Như Lai và cần khổ hầu hạ Tiên nhân để cầu pháp, như thế mới có thể thọ trì được kinh này. Do hai Đại sĩ khích lệ hàng Nhi thừa phát khởi thệ nguyện trì kinh. Cho nên, năm trăm vị A-la-hán đồng thời phát nguyện trì kinh, nhưng trọn không dám đi qua cõi Ta-bà, mà chỉ ở phương khác rộng tuyên kinh này, đủ thấy tâm kém hẹp của hàng Tiểu thừa, chưa có thể mau vội bỏ ngay được.

Chánh văn:

2. Khi đó, dì của Phật là Đại Ái Đạo Tỷ-kheo-ni cùng chung với bậc "học" và "vô học" Tỷ-kheo-ni sáu nghìn người, đồng từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Kiều-đàm-di: "Cớ chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm người toan cho rằng Ta chẳng nói đến tên người, để thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư?".

Kiều-đàm-di! Ta trước từng nói tất cả Thanh văn đều đã được thọ ký, nay người muốn biết thọ ký đó, đời tương lai sau người sẽ ở trong pháp hội của sáu muôn tám nghìn ức đức Phật làm vị đại Pháp sư và sáu nghìn vị "học" và "vô học" Tỷ-kheo-ni đều làm Pháp sư. Người lần lần đủ đạo hạnh Bồ-tát như thế sẽ đặng thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiều-đàm-di! Đức Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Phật đó và sáu nghìn Bồ-tát tuần tự thọ ký đặng đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, mẹ của La-hầu-la là bà Gia-thâu-đà-la Tỷ-kheo-ni nghĩ rằng: "Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký riêng chẳng nói đến tên tôi".

Phật bảo bà Gia-thâu-dà-la: "Người ở đời sau trong pháp hội trăm nghìn muôn ức đức Phật, tu hạnh Bồ-tát, làm vị đại Pháp sư, lần lần đầy đủ Phật đạo ở trong cõi Thiện Quốc, sẽ đặng thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Phật sống lâu vô lượng vô số kiếp".

Lúc đó, bà Đại Ái Đạo Tỳ-kheo-ni và bà Gia-thâu-dà-la Tỳ-kheo-ni cùng cả quyến thuộc đều rất vui mừng đặng việc chưa từng có, liền ở trước Phật mà nói kệ rằng:

Đấng Thế Tôn Đạo sư

Làm an ổn trời người

Chúng con nghe thọ ký

Lòng an vui đầy đủ.

Các vị Tỳ-kheo-ni nói kệ đó rồi, bạch Phật rằng: "Thế Tôn! Chúng con cũng có thể ở cõi nước phương khác rộng tuyên nói kinh này".

Giải thích:

Đoạn này bà Kiều-dàm-di mong được thọ ký, cũng dìu dắt đồng chúng phát khởi tâm trì kinh. Hàng nữ chúng có 6.000 người đều là tân học thường đi theo Phật, mà bà Kiều-dàm-di làm đầu.

Trước kia cho rằng thân nữ nhiều chướng ngại, không có phần làm Phật, nay thấy Long nữ thành Phật, nên tự tin được thọ ký. Có điều không dám thỉnh thẳng, nên lấy mắt có sắc lo mà nhìn Như Lai, lòng của họ rất khao khát, tha thiết. Thế nên, đức Như Lai gọi tên họ mà bảo rằng: “*Cớ chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm người toan cho rằng Ta chẳng nói đến tên người, để thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư?*”. Trước kia, Ta đã từng nói cho 1.200 Thanh văn đều được thành Phật.

Người nay muốn đặc biệt biết thọ ký đó. Người cùng với 6.000 Tỷ-kheo-ni sẽ phụng thờ sáu muôn tám ngàn ức đức Phật, đều làm Pháp sư, do nhân duyên thuyết pháp này lần lần đầy đủ đạo Bồ-tát, người sẽ được làm Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến. Nhờ thuyết pháp khai thị cho chúng sinh đều được hoan hỷ mà cảm ứng được quả hiệu này.

Ngoài ra 6.000 người ấy lần lượt được thọ ký. Mẹ của La-hầu-la là bà Gia-thâu-đà-la Tỷ-kheo-ni tâm cũng trông mong được thọ ký. Cho nên, đức Thế Tôn cũng đặc biệt thọ ký cho, bảo rằng:

“Người ở đời sau trong pháp hội trăm nghìn muôn ức đức Phật, tu hạnh Bồ-tát, làm vị đại Pháp sư, lần lần đủ Phật đạo ở trong cõi Thiên Quốc, sẽ đặng thành Phật hiệu là Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai”. Do vì trong nhân duyên làm vợ của Phật, mà chẳng tham trước nơi si ái, giúp Phật thành tựu được vạn đức. Và lại, thuyết pháp có thể khai thị tâm tánh của chúng sinh, nên thành Phật hiệu là Cự Túc Thiên Vạn Quang Tướng.

Khi đã được thọ ký rồi, cũng thế nguyện trì kinh này, nhưng chỉ ở phương khác rộng truyền, vẫn sợ cõi Ta-bà, do vì hàng sơ học, pháp lực chưa được đầy đủ.

Chánh văn:

3. Bấy giờ, đức Thế Tôn nhìn tám mươi muôn ức Na-do-tha vị đại Bồ-tát, các vị Bồ-tát đó đều là bậc Bất thối chuyển, chuyển pháp luân bất thối đặng các pháp tổng trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật một lòng chấp tay mà nghĩ rằng: “Nếu đức Thế Tôn dạy bảo chúng ta nói kinh này, thời chúng ta sẽ như lời Phật dạy rộng tuyên nói pháp này”.

Các vị đó lại nghĩ: “Nay đức Phật yên lặng chẳng thấy dạy bảo, chúng ta phải làm thế nào?”.

Lúc đó, các vị Bồ-tát kính thuận ý của Phật, và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện, bèn ở trước Phật nói lớn tiếng mà phát lời thệ rằng: “Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, chúng con đi giáp vòng qua lại khắp mười phương thế giới hay khiến chúng sinh biên chép kinh này thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa đó, nghĩ nhớ chân chánh, đúng như pháp mà tu hành, như thế đều là sức oai thần của Phật. Cúi mong đức Thế Tôn ở phương khác xa giữ gìn cho”.

Giải thích:

Đây là đức Thế Tôn nhìn lại tám mươi muôn ức Na-do-tha vị Đại Bồ-tát, miệng tuy không nói mà ý cho rằng hàng Nhị thừa yếu kém chẳng có thể ở cõi Ta-bà này mà rộng tuyên thuyết kinh Pháp Hoa, nên muốn các vị Bồ-tát này ở nơi đời mạt pháp hộ trì kinh, chỗ gọi là *phó chúc có nơi*. Bởi các vị Bồ-tát này đều là bậc Bất thối, chứng được môn “Tổng trì”, do đó mà đại chúng trong mười phương mới vân tập, có thể gánh vác được vậy.

Hàng Bồ-tát đều khế hợp Phật tâm, nên mới kính thuận theo ý của Phật, lại muốn tự mình đầy đủ bản nguyện, nên ở trước Phật mà làm “Sư tử hống”, đồng phát thệ rằng: “*Thế Tôn, sau khi Như*

Lại diệt độ, chúng con đi khắp vòng qua lại khắp mười phương thế giới hay khiến chúng sinh biên chép kinh này thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa đó, nghĩ nhớ chân chánh, đúng như pháp mà tu hành". Ở đây, chẳng phải chỉ một cõi Ta-bà. Đoạn trước, Thế Tôn đã nói: "Ai có thể hộ trì kinh này tự phát lời thệ nguyện", cho nên các vị Bồ-tát này mới thể theo ý của Phật. Lại nguyện đức Thế Tôn ở nơi phương khác xa giữ gìn cho, bởi đời末 pháp khó trì, nên phải nhờ sức oai thần của đức Như Lai vậy.

Chánh văn:

4. Tức thời, các vị Bồ-tát đều đồng tiếng mà nói kệ rằng:

Cúi mong Phật chớ lo
Sau khi Phật diệt độ
Trong đời ác ghê sợ
Chúng con sẽ rộng nói,
Có những người vô trí
Lời ác mắng rủa thảy
Và dao gậy đánh đập
Chúng con đều phải nhẫn
Tỷ-kheo trong đời ác

Trí tà lòng dua vạy
Chưa được nói đã được
Lòng ngã mạn dầy dầy.
Hoặc người mặc áo nạp
Lặng lẽ ở chỗ vắng
Tự nói tu chân đạo
Khinh rẻ trong nhân gian.
Vi ham ưa danh lợi
Nói pháp cho bạch y
Được người đời cung kính
Như Lục thông La-hán.
Người đó ôm lòng ác
Thường nghĩ việc thế tục
Giả danh "A-luyện-nhã"
Ưa nói lỗi chúng con
Mà nói như thế này
Các bọn Tỷ-kheo này
Vi lòng tham lợi dưỡng
Nói luận nghĩa ngoại đạo
Tự làm kinh điển đó
Dối lằm người trong đời
Vi muốn cầu danh tiếng
Mà giải nói kinh đó